

Số: 3508 /QĐ -TMC

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế công bố thông tin**  
**của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN-VIMICO**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico được sửa đổi bổ sung lần thứ ba ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-TMC ngày 20/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc, Thư ký Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (đề: t/h);
- UBCKNN, HNX (đề: B/c);
- Các TV HĐQT, BKS;
- ĐU Công ty, CĐ Công ty;
- Các phòng C/n, ĐVTV;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đào Minh Sơn**

**QUY CHẾ  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3508 QĐ-TMC ngày 04 tháng 10 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Công ty)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế công bố thông tin quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico khi tham gia thị trường chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (công ty đại chúng);

b) Nhà đầu tư có liên quan thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành của Nhà nước;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

**Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin**

1. Cung cấp thông tin tới thị trường chứng khoán và cổ đông của Công ty một cách chính xác, kịp thời và chủ động. Từ đó, các bên quan tâm có thể tìm kiếm và tiếp cận thông tin; nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong các hoạt động và công tác quản trị Công ty.

2. Hướng dẫn cho Ban Lãnh đạo, các phòng nghiệp vụ, các đơn vị công bố thông tin theo quy định hiện hành.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. UBCKNN là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. SGDCK là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico có cổ phiếu đăng ký giao dịch (Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

3. Công ty là Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

4. HĐQT là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị.

5. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ.

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty đại chúng.

6. *Người nội bộ* của Công ty là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp bao gồm: Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch Công ty; thành viên HĐQT; Giám đốc; Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký Công ty; người phụ trách quản trị Công ty; người được ủy quyền công bố thông tin.

7. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Người nội bộ của Công ty theo quy định tại khoản 6 Điều này.

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.

e) Quan hệ hợp đồng trong đó có một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức cá nhân kia.

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

8. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

9. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin điện tử của UBCKNN, phương tiện

công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

10. *Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có chứng khoán phát hành được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

11. *Tổ chức phát hành* là tổ chức thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật này và pháp luật về kiểm toán độc lập;

13. *Bản cáo bạch* là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.

14. *Niêm yết chứng khoán* là việc đưa chứng khoán có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch trên hệ thống giao dịch của chứng khoán niêm yết.

15. *Đăng ký giao dịch* là việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

16. *Hệ thống giao dịch chứng khoán* bao gồm hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết và hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, do Sở Giao dịch chứng khoán VN và công ty con của Sở Giao dịch chứng khoán VN tổ chức, vận hành.

17. *Thị trường giao dịch chứng khoán* là địa điểm hoặc hình thức trao đổi thông tin để tập hợp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán.

18. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng lại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

19. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

93.C  
Y  
N  
IAU  
EN  
HAI W

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

#### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Nội dung Công ty thực hiện công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 118 Luật Chứng khoán khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin



thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều 6, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu trữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

#### **Điều 5. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS Plus);
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ, ngày lễ.

#### **Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác). Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Điều 7. Người thực hiện công bố thông tin**

Người thực hiện công bố thông tin là Giám đốc Công ty (người đại diện theo pháp luật) thực hiện hoạt động công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với quy chế này và quy định của pháp luật hoặc cá nhân là người được Giám đốc ủy quyền thực hiện công bố thông tin của Công ty.

Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Lãnh đạo Công ty phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin thực hiện theo điểm b, khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

## **Chương II**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**

#### **Mục 1**

#### **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

##### **Điều 8. Công bố báo cáo tài chính năm**

Công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

1. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Công ty công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp (thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)

2. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

## **Điều 9. Công bố Báo cáo tài chính bán niên**

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

1. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

### **3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên**

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

## **Điều 10. Công bố Báo cáo tài chính quý**

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý; Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

### **2. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý**

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp BCTC quý của Công ty phải soát xét theo yêu cầu thì Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý. BCTC quý của công ty không bắt buộc phải soát xét.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy chế này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;





### **Điều 11. Công bố thông tin báo cáo thường niên**

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và công bố báo cáo thường niên trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

### **Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong trưng chỉnh họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các tài liệu kèm theo phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 13. Công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty**

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

### **Điều 14. Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn**

Công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch đến Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01-CBTT/SGDCK kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016.



## Mục 2

### CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

#### Điều 15. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để

giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

i) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Công ty gửi cho UBCKNN, SGĐCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét (báo cáo tài chính hợp nhất).

m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

o) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

p) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

q) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài (nếu có).

r) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

s) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).

t) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Thời hạn công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 16. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

#### **Điều 17. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**

1. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm 2 khoản này.

2. Công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

#### **Điều 18. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác**

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 2 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

103-C  
TỶ  
N  
MAU  
ÊN  
HAI NG

2. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Điều 8,9,10 của Quy chế này.

### Mục 3

## CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

### Điều 19. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK nơi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### Điều 20. Công bố thông tin về các hoạt động khác (nếu có)

Công ty thực hiện công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn; tỷ lệ sở hữu nước ngoài; giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

### Mục 4

## CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁC

**Điều 21. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.



*Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (mã chứng khoán TMG). Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào và làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TMG từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TMG từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TMG của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, Ủy ban chứng khoán NN và Sở Giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 19, Điều 3 của Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1,2,3 của Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (nếu có) thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, X ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm đầu tư nước ngoài đó nắm giữ (nếu có).

5. Quy định tại khoản 1,2,3 và khoản 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu (nếu có).

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

## **Điều 22. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96/2020/TT-BTC (nếu có).

#### Chương IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

##### 1. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

##### 2. Tổ chức thực hiện

a) Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Trường hợp các quy định về công bố thông tin của Cơ quan quản lý có sự thay đổi, việc công bố thông tin của Công ty thực hiện theo các quy định của các cơ quan quản lý và phù hợp với Điều lệ công ty.

c) Ban Lãnh đạo Công ty, Kế toán trưởng, người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm triển khai và thực hiện theo quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc đề nghị trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định./.

*Phạm Văn*

110  
NG  
PH  
OAI  
NGL  
MIC  
NT

## NHỮNG NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH

STT	Nội dung công bố thông tin	Đơn vị báo cáo	Người thực hiện CBTT	Phối hợp thực hiện CBTT	Thời hạn công bố thông tin	Nơi công bố thông tin
1	Báo cáo tài chính quý (không soát xét)	Phòng TCKT	Giám đốc Kế toán trưởng	Văn phòng	- Không được vượt quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Website công ty;</li> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK</li> </ul>
2	Báo cáo tài chính bán niên (soát xét)				- Không được vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	
3	Báo cáo tài chính năm (sau kiểm toán)				- Không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
4	Báo cáo thường niên	Thư ký Công ty, các phòng chức năng (p/h)	Giám đốc Kế toán trưởng	Văn phòng	- Không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Website công ty;</li> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK</li> </ul>
5	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Thư ký Công ty, các phòng chức năng (p/h)	Hội đồng quản trị	Văn phòng	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Website công ty;</li> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK</li> </ul>
6	Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường	Thư ký Công ty, các phòng chức năng (p/h)	Hội đồng quản trị	Văn phòng	- Theo quy định của LDN, Điều lệ Cty và Quy chế công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Website công ty;</li> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK</li> </ul>
7	Báo cáo về danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	Thư ký Công ty	Giám đốc	Văn phòng	- Theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Website công ty;</li> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK</li> </ul>



STT	Nội dung công bố thông tin	Đơn vị báo cáo	Người thực hiện CBTT	Phối hợp thực hiện CBTT	Thời hạn công bố thông tin	Nơi công bố thông tin
8	Công bố thông tin bất thường	Thư ký Công ty, các phòng chức năng (p/h)	Giám đốc Kế toán trưởng	Văn phòng	Công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ ngày phát sinh sự kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành	- Website công ty; - UBCKNN; - SGDCK
9	Công bố thông tin của các đối tượng khác	Thư ký Công ty Cổ đông lớn	Giám đốc Kế toán trưởng	Văn phòng	Công bố theo quy định của Luật Chứng khoán, NĐ 155/2020/NĐ-CP; NĐ 156/2020/NĐ-CP và TT số 96/2020/TT-BTC, Điều lệ Công ty	- Website công ty; - UBCKNN; - SGDCK